TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

KẾT QUẢ ĐIỂM THI NĂNG KHIẾU KHỐI M00

Xét tuyển ĐH, CĐ hệ chính chính quy năm 2019

(Đợt thi ngày 29/06 - 01/07/2019)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Ghi chú
1	1	NGUYỄN DIỆU	AN	04/09/2001	8.00	
2	282	PHẠM THỊ THÚY	AN	02/04/2001	8.00	
3	2	TRẦN THỊ	AN	28/01/2001	8.00	
4	4	BÙI NHẬT	ANH	05/02/2001	7.00	
5	18	ĐÀO THỊ LAN	ANH	17/07/2001	8.00	
6	11	LÊ MINH	ANH	27/10/2001	7.75	
7	6	LÊ THỊ NGỌC	ANH	19/10/2001	8.00	
8	15	LÊ THỊ NGỌC	ANH	14/02/2001	8.25	
9	9	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	11/05/2001	8.50	
10	265	NGUYỄN LAN	ANH	29/11/2001	7.25	
11	12	NGUYỄN NGỌC	ANH	27/10/2001	8.50	
12	16	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	02/03/2001	8.25	
13	5	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	28/02/2001	8.00	
14	3	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	26/10/2001	7.25	
15	7	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	15/06/2001	7.75	
16	8	TRẦN THỊ	ANH	25/01/2001	8.50	
17	10	TRỊNH THỊ LAN	ANH	05/06/2001	8.25	
18	17	TRỊNH THỊ LAN	ANH	11/02/2001	8.00	
19	21	ĐỖ THỊ NGỌC	ÁNH	20/05/2001	7.75	
20	23	LƯU THỊ	ÁNH	25/07/2001	8.50	
21	20	MAI THỊ	ÁNH	12/04/2001	7.75	
22	22	NGÂN THỊ NGỌC	ÁNH	12/05/2001	8.25	
23	24	LƯƠNG THỊ THU	BẠCH	24/11/2001	8.00	
24	27	LÊ KIM	CHI	08/09/2001	8.50	
25	25	LÊ THỊ	CHI	20/08/2001	8.00	
26	26	LƯƠNG THỊ KIM	CHI	27/05/2001	7.75	
27	28	HƠ CHỐNG	DI	09/03/2001	8.50	
28	30	LÊ THỊ ÚT	DIỆU	27/08/2001	7.38	
29	31	NGUYỄN THỊ HOÀNG	DIỆU	25/11/2001	8.00	
30	32	LÂU THỊ	DÍNH	05/03/2001	8.00	
31	33	PHẠM THỊ NGỌC	DUÂN	13/10/2001	7.75	
32	39	HÀ THỊ	DUNG	18/02/2001	7.75	
33	34	LÊ THỊ	DUNG	07/01/2001	7.75	
34	40	LÊ THỊ THÙY	DUNG	12/01/2001	8.13	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Ghi chú
35	38	NGUYỄN THÙY	DUNG	24/09/2001	8.13	
36	35	TRỊNH THỊ	DUNG	23/12/2000	8.00	
37	37	TRỊNH THỊ	DUNG	10/11/1999	8.25	
38	41	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	13/09/2001	7.75	
39	43	HÀ THỊ	DUYÊN	11/12/2001	8.00	
40	42	HOÀNG THỊ	DUYÊN	10/07/2001	7.25	
41	44	TRƯƠNG THỊ KỲ	DUYÊN	17/06/2001	7.50	
42	45	NGUYỄN THỊ	GẤM	22/02/2001	7.00	
43	46	CAO THỊ	GIANG	09/09/2000	7.25	
44	48	PHẠM THỊ	GIANG	21/11/2001	8.25	
45	47	TRỊNH THỊ	GIANG	07/10/2001	7.00	
46	54	LẠI THU	HÀ	15/02/2001	7.00	
47	284	LÊ THỊ	HÀ	23/04/2001	7.00	
48	55	LÒ THỊ	HÀ	28/11/2001	8.00	
49	49	LƯU THỊ	HÀ	24/09/2001	8.00	
50	51	NGUYỄN THỊ	HÀ	02/02/2001	7.75	
51	50	TRƯƠNG THỊ	HÀ	20/06/2001	8.00	
52	56	BÙI THỊ	HÀI	02/01/2001	8.00	
53	57	LƯƠNG ĐỖ THỊ	HÂN	18/07/2001	7.75	
54	59	BÙI THỊ	HẰNG	10/07/2001	8.25	
55	63	ĐỖ THỊ	HẰNG	15/01/2001	8.00	
56	60	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	02/10/2001	8.00	
57	61	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	01/10/2001	7.50	
58	64	ĐỖ THỊ THU	HẠNH	18/07/2001	7.88	
59	65	LÊ THỊ	HẬU	26/10/2001	7.75	
60	69	LÊ THU	HIỀN	30/10/2001	8.38	
61	68	NGUYỄN THỊ	HIỀN	04/11/2000	8.25	
62	66	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	10/12/2001	8.00	
63	72	MAI THỊ	HOA	15/02/2001	7.50	
64	70	PHẠM THỊ	HOA	15/07/2001	7.75	
65	71	TRƯƠNG THỊ	HOA	26/05/2001	8.00	
66	75	HOÀNG THỊ XUÂN	HÒA	07/02/2001	7.50	
67	74	TRẦN THỊ	HÒA	01/04/2001	8.00	
68	73	TRƯƠNG THỊ	HÒA	06/04/2001	8.25	
69	76	PHẠM THU	HOÀI	25/04/2000	7.88	
70	79	NGÔ THỊ KIM	HỒNG	11/09/2001	7.25	
71	80	VŨ THƯƠNG	HUẾ	15/04/2001	8.25	
72	82	HÀ THỊ	HUỆ	29/11/2001	7.25	
73	81	HOÀNG THỊ	HUỆ	13/11/1996	8.25	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Ghi chú
74	83	TÔ THỊ	HUỆ	04/08/2001	8.13	
75	89	BÙI THỊ LAN	HƯƠNG	21/06/2001	7.63	
76	84	ĐẶNG THỊ	HƯƠNG	03/07/1999	8.50	
77	85	KIỀU LAN	HƯƠNG	17/07/2000	8.00	
78	86	LÊ THỊ	HƯƠNG	12/08/2001	7.50	
79	88	PHẠM THỊ THU	HƯƠNG	06/03/2001	7.88	
80	90	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	01/08/2001	7.25	
81	87	TRƯƠNG THỊ THANH	HƯƠNG	28/10/2001	8.25	
82	91	LÊ THỊ	HƯỜNG	15/09/2001	7.75	
83	283	LÊ THỊ	HUYỀN	19/11/2001	7.13	
84	94	LÊ THỊ KHÁNH	HUYỀN	05/04/2001	7.75	
85	92	LÊ THU	HUYỀN	05/12/2001	8.38	
86	95	TRẦN NGỌC	HUYỀN	02/07/2001	8.25	
87	96	TRƯƠNG THỊ KHÁNH	HUYỀN	10/10/2001	7.50	
88	97	THAO THỊ	KHUA	15/03/2001	7.50	
89	100	PHẠM THỊ	KIỀU	15/06/2001	8.25	
90	98	PHẠM THÚY	KIỀU	20/04/2001	8.50	
91	99	PHẠM THÚY	KIỀU	12/09/2001	8.00	
92	101	LÊ THỊ	LAM	03/09/2001	8.00	
93	102	NGUYỄN THỊ MAI	LAN	02/12/2001	7.88	
94	103	VI THỊ HUYỀN	LÊ	16/11/2001	7.50	
95	104	NGUYỄN THỊ	LỆ	20/07/2000	8.50	
96	105	HÀ THỊ	LỊCH	20/06/2001	7.88	
97	108	LÊ THỊ	LIÊN	22/06/2001	7.38	
98	106	NGUYỄN THỊ	LIÊN	14/11/1999	8.25	
99	107	TRẦN THỊ MỸ	LIÊN	16/11/2001	7.75	
100	109	TRƯƠNG THỊ	LIÊN	02/04/2001	8.25	
101	116	BÙI HUYỀN	LINH	12/12/1999	8.13	
102	121	CHU YẾN	LINH	16/06/2001	8.50	
103	128	ĐẶNG MỸ	LINH	20/09/2001	8.00	
104	124	ĐỖ THỊ	LINH	12/12/2001	7.00	
105	117	KHƯƠNG THỊ MAI	LINH	19/03/2001	8.50	
106	113	LẠI THỊ MAI	LINH	24/12/2001	7.75	
107	114	LÊ NGỌC KHÁNH	LINH	21/05/2001	6.75	
108	123	LÊ NHẬT	LINH	04/04/2001	7.75	
109	125	LÊ THỊ	LINH	26/08/2001	7.75	
110	259	LÊ THỊ	LINH	18/10/2001	8.50	
111	110	LÊ THỊ DIỆU	LINH	01/11/2001	8.00	
112	119	LÊ THỊ DIỆU	LINH	24/11/2001	8.25	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Ghi chú
113	129	LÒ THÙY	LINH	14/08/2001	8.25	
114	127	LỮ NGỌC	LINH	21/10/2001	8.50	
115	111	MAI THỊ	LINH	22/08/2001	7.75	
116	115	NGÔ PHƯƠNG	LINH	17/09/2001	8.50	
117	126	NGUYỄN DIỆU	LINH	22/10/2001	7.75	
118	118	NGUYỄN THỊ ÁNH	LINH	25/09/2000	8.25	
119	122	NGUYỄN THỊ HUỆ	LINH	03/10/2001	8.50	
120	112	TRẦN HOÀI	LINH	14/10/2001	7.75	
121	130	TRỊNH THỊ NGỌC	LINH	24/04/2001	7.63	
122	131	HÀ THỊ	LỢI	02/12/2000	7.75	
123	132	LÊ THỊ	LỤA	29/11/2001	7.25	
124	133	LANG THỊ	LƯỢNG	27/03/2001	8.00	
125	135	NGUYỄN THẢO	LY	30/10/2001	8.50	
126	136	ĐINH THỊ	LÝ	13/06/2001	8.00	
127	137	PHẠM THỊ	LÝ	16/01/2001	8.00	
128	272	TRỊNH THỊ	LÝ	02/03/1996	8.00	
129	139	NGÔ THỊ NGỌC	MAI	31/01/2001	8.00	
130	140	NGUYỄN THỊ	MAI	02/01/2001	7.50	
131	269	PHẠM THỊ QUỲNH	MAI	09/10/2001	8.00	
132	141	TRƯƠNG THỊ	MIÊN	28/10/2000	7.63	
133	142	ĐOÀN NGỌC	MINH	20/01/2001	8.25	
134	143	NGUYỄN THỊ	MY	20/10/2001	7.63	
135	144	NGUYỄN THỊ THU	MỸ	07/04/2001	8.00	
136	146	LÊ THỊ	NGA	25/01/2001	8.25	
137	150	LÊ THỊ PHƯƠNG	NGA	18/01/2001	8.00	
138	149	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	07/03/2001	7.38	
139	148	PHẠM THỊ	NGA	12/01/2001	8.25	
140	145	TRỊNH THỊ	NGA	10/02/2001	8.50	
141	151	VÀNG THỊ	NGA	05/04/2000	7.25	
142	152	LÊ THỊ	NGÂN	28/12/2001	7.50	
143	154	LÊ THỊ	NGÂN	02/07/2001	8.13	
144	153	LƯƠNG THỊ	NGÂN	20/08/2001	8.00	
145	260	PHẠM THỊ	NGÂN	08/11/2000	7.88	
146	160	CAO THỊ	NGỌC	25/10/2001	7.75	
147	159	ĐỖ HỒNG	NGỌC	02/09/2001	7.88	
148	161	LÊ THỊ	NGỌC	02/04/2001	8.13	
149	155	LÊ THỊ HỒNG	NGỌC	20/05/1999	8.00	
150	274	NGUYỄN THỊ	NGỌC	05/12/2000	7.50	
151	157	THIỀU THỊ	NGỌC	05/04/2001	7.75	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Ghi chú
152	162	NGUYỄN THẢO	NGUYÊN	06/01/2001	8.00	
153	279	LÊ THỊ	NGUYỆT	20/11/2001	7.75	
154	163	LỘC THỊ	NGUYỆT	24/04/2001	7.75	
155	277	VI THỊ	NGUYỆT	07/11/2001	7.88	
156	166	CAO YẾN	NHI	14/10/2001	8.25	
157	165	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	02/09/2001	8.38	
158	271	LÊ THỊ	NHUNG	16/03/2001	8.00	
159	266	MAI THỊ	NHUNG	18/06/2001	7.25	
160	168	NGUYỄN THỊ	NHUNG	10/02/2001	7.75	
161	173	NGUYỄN THỊ	NHUNG	26/04/2001	7.88	
162	264	NGUYỄN THỊ	NHUNG	20/06/2001	7.75	
163	167	NGUYỄN TRANG	NHUNG	26/03/2001	8.50	
164	172	PHẠM THỊ HỒNG	NHUNG	10/01/2001	8.00	
165	174	TRƯƠNG THỊ	NHUNG	20/09/2001	8.25	
166	171	VŨ THỊ	NHUNG	03/03/2001	8.00	
167	176	BÙI THỊ	NỤ	05/11/2001	8.00	
168	175	TRỊNH THỊ	NỤ	27/06/2001	8.00	
169	182	HÀ THU	PHƯƠNG	09/08/2001	8.25	
170	178	LÊ THỊ	PHƯƠNG	19/05/2001	8.00	
171	177	LÊ THỊ LINH	PHƯƠNG	01/01/2001	8.00	
172	179	LÊ THỊ THU	PHƯƠNG	11/04/2001	8.00	
173	184	ĐINH THỊ	PHƯỢNG	01/09/2001	7.25	
174	278	LANG THỊ ĐAN	PHƯỢNG	13/08/2001	7.75	
175	183	NGUYỄN THỊ ĐAN	PHƯỢNG	17/11/1999	8.00	
176	185	HÀ THỊ	QUYÊN	17/06/2001	7.75	
177	189	BÙI THỊ NHƯ	QUỲNH	15/03/2001	8.00	
178	186	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	18/04/2001	8.25	
179	188	PHẠM THỊ LỆ	QUỲNH	21/12/2001	8.25	
180	187	PHAN NHƯ	QUỲNH	25/08/2001	8.50	
181	192	BÙI THỊ	TÂM	08/02/1999	8.25	
182	193	LÊ THỊ THANH	TÂM	24/08/2000	7.50	
183	194	NGUYỄN THỊ	TÂN	23/12/2001	7.88	
184	196	LƯƠNG THỊ	THẮM	07/03/2001	7.00	
185	195	PHẠM THỊ	THẮM	23/10/2001	8.00	
186	197	NGUYỄN THỊ	THANH	08/11/2001	8.00	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Ghi chú
187	201	HOÀNG LÂM	THẢO	12/06/2001	7.75	
188	199	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	22/09/2001	7.88	
189	268	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	30/07/2001	7.75	
190	198	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	06/12/2001	7.50	
191	202	NGUYỄN THỊ	THƠ	03/07/2001	7.25	
192	203	HÀ THỊ	THOA	20/03/2001	7.75	
193	207	LÃ THỊ XUÂN	THU	20/07/2001	8.00	
194	208	LÊ THỊ	THU	18/08/2001	7.25	
195	205	LÊ THỊ THANH	THU	22/11/2001	7.50	
196	210	NGUYỄN THỊ	THU	12/09/2000	7.88	
197	206	TRƯƠNG HOÀI	THU	30/12/2001	8.25	
198	209	VI THỊ	THU	15/07/2001	7.50	
199	212	BÙI THỊ	THƯƠNG	01/01/2000	8.25	
200	214	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	14/05/2001	7.75	
201	211	VŨ THỊ	THƯƠNG	16/06/1999	7.38	
202	216	LỘC THỊ	THUỶ	06/01/2001	8.00	
203	215	NGUYỄN KIM	THUỶ	01/05/2001	7.50	
204	217	TRƯƠNG THANH	THÚY	10/08/2001	7.25	
205	218	DƯƠNG THỊ	THÙY	02/08/2001	8.00	
206	219	LÊ THỊ	THỦY	01/02/2001	7.50	
207	273	NGUYỄN THỊ	THỦY	17/04/2001	7.50	
208	220	QUÁCH THỊ	THỦY	20/11/2001	7.38	
209	221	NGUYỄN THỊ	TÌNH	06/05/2001	7.50	
210	222	LƯỜNG THỊ QUỲNH	TRÂM	22/08/2001	7.75	
211	230	BÀN THÙY	TRANG	06/05/2001	8.13	
212	234	DƯƠNG HUYỀN	TRANG	09/07/2001	8.00	
213	228	LÊ THỊ	TRANG	03/03/2001	7.50	
214	235	LÊ THỊ	TRANG	29/08/2000	6.88	
215	236	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	10/10/2001	8.13	
216	237	LƯƠNG THỊ	TRANG	07/01/2001	8.00	
217	229	MAI BẢO	TRANG	04/03/2001	8.50	
218	232	MAI THÙY	TRANG	21/11/2001	8.50	
219	224	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	26/02/2001	8.00	
220	227	NGUYỄN THỊ HÀ	TRANG	16/06/2001	8.50	
221	223	NGUYỄN THÙY	TRANG	27/09/2001	8.25	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tổng điểm	Ghi chú
222	275	TẠ THỊ	TRANG	19/05/2001	7.00	
223	231	TRẦN THỊ	TRANG	26/03/2001	8.13	
224	225	TRỊNH THU	TRANG	25/01/2001	7.75	
225	226	VŨ HUYỀN	TRANG	05/12/2001	7.50	
226	238	LÊ KIỀU	TRINH	25/10/2000	7.75	
227	239	LÊ THỊ KIỀU	TRINH	25/05/2001	8.50	
228	240	NGUYỄN CẨM	TÚ	24/05/2001	7.75	
229	244	BÙI THỊ	TUYẾT	24/05/2001	8.25	
230	241	HOÀNG THỊ	TUYẾT	28/12/2000	7.88	
231	242	LÊ THỊ	TUYẾT	21/11/2001	7.50	
232	248	BÙI THỊ TỐ	UYÊN	01/12/2001	7.75	
233	270	LÒ TỐ	UYÊN	13/11/2001	7.75	
234	252	HÀ THỊ	VÂN	16/12/2001	7.50	
235	249	MAI THỊ	VÂN	13/11/2001	8.25	
236	267	MAI THỊ	VÂN	02/02/2001	8.00	
237	250	NGUYỄN THỊ HẢI	VÂN	01/08/2001	7.75	
238	253	LÂU THỊ	XIA	24/12/2001	8.00	
239	254	LÒ THỊ	XOAN	04/04/2000	8.25	
240	255	NGÔ THỊ THANH	XUÂN	29/12/2001	8.25	
241	258	HÀ HẢI	YẾN	30/08/2001	7.75	
242	276	LÊ THỊ HẢI	YẾN	21/10/2000	7.50	
243	257	TRƯƠNG THỊ HỒNG	YẾN	27/09/2001	7.50	

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 7 năm 2019

HỘI ĐỒNG THI NĂNG KHIẾU

TRƯỞNG BAN COI THI VÀ CHẤM THI NK

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Hoàng Thị Mai